

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN QUANG

Số: 1555/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Quang, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt – Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 5)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai 2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số: 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ ban hành Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03/03/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 05/06/2025 của UBND huyện An Lão về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã An Quang về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão trên địa bàn xã An Quang, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/03/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tkhoarên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-UBND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua các dự án, công trình phải thu hồi trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện An Lão;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND xã An Quang về việc phê duyệt giá đất nông nghiệp cụ thể để tính tiền bồi thường và phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt – Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 1).

Căn cứ Thông báo số 22 của UBND xã An Quang về giá gạo phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các Dự án trên địa bàn xã An Quang năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã An Quang tại Tờ trình số 200/TTr-KT ngày 08/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 5).

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp cụ thể:
Tổng số hộ có đất thu hồi: 27 hộ; Diện tích đất nông nghiệp trong chỉ giới: 21.754,0m²; Đất nông nghiệp thu ngoài chỉ giới: 1010,2m².

- Biên bản kiểm kê, Phương án hỗ trợ của 27 hộ;

- Tổng giá trị đền bù, hỗ trợ: 14.954.648.000 đồng;

Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất thu hồi thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã An Lão lập.

(có phương án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan có liên quan; Ban Quản lý dự án xã An Lão; 27 hộ gia đình, cá nhân có tài sản nằm trên đất bị thu hồi; Phòng Kinh tế xã An Quang có trách nhiệm cụ thể sau:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã An Lão:

- Chịu trách nhiệm về số liệu, chủng loại, đơn giá và việc áp dụng chế độ chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định; Quản lý và lưu trữ hồ sơ hỗ trợ trình phê duyệt; Cung cấp các hồ sơ cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xác nhận tính pháp lý và các thông tin khác liên quan đến chính sách hỗ trợ;

- Phối hợp với UBND xã An Quang phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tại trụ sở UBND xã An Quang và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

- Gửi phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Giải quyết các kiến nghị, đề nghị liên quan đến việc tính toán, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

- Cùng với UBND xã An Quang quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

2. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện dự án:

- Chấp hành, nhận tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi nhận đủ tiền hỗ trợ theo quyết định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định về UBND xã An Quang để chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động theo quy định.

- Di chuyển tài sản và bàn giao mặt bằng theo thời gian Ban Quản lý dự án xã An Lão thông báo.

3. Phòng Kinh tế xã An Quang:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật; Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND xã xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban Quản lý dự án xã An Lão vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà người có đất thu hồi không đồng ý hoặc không phối hợp, tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Thu và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý theo quy định; cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính lưu trữ tại địa phương theo quy định;

- Thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

4. Đề nghị Chủ đầu tư: Công ty TNHH cụm CN của Hoạt có trách nhiệm chuyển số tiền hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ để thực hiện chi trả theo quy định.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thi hành quyết định:

- Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của xã.

- Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công xã An Quang có trách nhiệm thông báo công khai Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các đơn vị: Kinh tế, Văn hóa - xã hội; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã An Lão; Các tổ chức, cá nhân có liên quan có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phú Thọ

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP CỦA HOẠT - QUẢN THẮNG, HUYỆN AN LÃO
(Kèm theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Quang)

S TT	Họ và tên chủ hộ, người đại diện	Số khẩu được hỗ trợ theo tỷ lệ thu hồi đất			Tổng diện tích được giao (theo ND 64/CP) (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	DT thu hồi trong chỉ giới		DT đất 64 thu hồi ngoài chỉ giới	Diện tích thu hồi của dự án trước (m2)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Bồi thường		Các khoản hỗ trợ			Cộng
		Tỷ lệ thu hồi <30%	Tỷ lệ thu hồi từ 30- 70%	Tỷ lệ thu hồi > 70%			Đất 64	Đất tự sử dụng				Tiền đất	Hoa màu	Chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Ôn định sản xuất, kinh doanh	Ôn định đời sống	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Thị Miến (Vợ) (Bùi Đình Đậm)		3		1.920	594	582,6	0,0	11,4	0	31%	59.400.000	5.940.000	297.000.000	17.820.000	9.720.000	389.880.000
2	Nguyễn Thị Hồng Ghin (vợ) (Bùi Văn Chiêu)		3		1.920	579	579,0	0,0	0,0	228	34%	57.900.000	5.790.000	289.500.000	17.370.000	9.720.000	380.280.000
3	Nguyễn Văn Huân		4		1.920	876	876,0	4,7	0,0	300	54%	87.600.000	8.760.000	438.000.000	26.280.000	12.960.000	573.600.000
4	Nguyễn Văn Nghiên (Nguyễn Văn Nghiêng)		4		1.920	681	665,0	0,0	16,0	0	35%	68.100.000	6.810.000	340.500.000	20.430.000	12.960.000	448.800.000
5	Nguyễn Văn Quý (Lan)	4			2.400	333	333,0	323,0	0,0	0	14%	33.300.000	3.330.000	166.500.000	9.990.000	6.480.000	219.600.000
6	Nguyễn Văn Luận		3		1.440	927	927,0	0,0	0,0	0	64%	92.700.000	9.270.000	463.500.000	27.810.000	9.720.000	603.000.000
7	Hoàng Văn Bình (con trai) (Hoàng Văn Keng)			1	480	387,1	387,0	0,0	0,1	93	100%	38.710.000	3.871.000	193.550.000	11.613.000	6.480.000	254.224.000
8	Đỗ Thị Nước (vợ) (Nguyễn Văn Liêm)		4		2.400	1.288	1.288,0	0,0	0,0	511	68%	128.800.000	12.880.000	644.000.000	38.640.000	12.960.000	837.280.000
9	Đỗ Thị Nước (con dâu) (Nguyễn Văn Nhuận)		2		2.400	836	832,1	0,0	3,9	1.170	68%	83.600.000	8.360.000	418.000.000	25.080.000	6.480.000	541.520.000
10	Nguyễn Văn Xới (Nguyễn Văn Phòng)			2	1.920	1.034	886,6	0,0	147,4	735	87%	103.400.000	10.340.000	517.000.000	31.020.000	12.960.000	674.720.000
11	Nguyễn Văn Tiềm (Nguyễn Văn Quang)			4	1.920	952	952,0	0,0	0,0	968	100%	95.200.000	9.520.000	476.000.000	28.560.000	25.920.000	635.200.000
12	Hoàng Văn Ban		5		1.440	828	759,5	0,0	68,5	0	58%	82.800.000	8.280.000	414.000.000	24.840.000	16.200.000	546.120.000
13	Đào Văn Lợi (Nguyễn Thị Hợi)	3			1.920	171,8	171,8	0,0	0,0	0	9%	17.180.000	1.718.000	85.900.000	5.154.000	4.860.000	114.812.000

S TT	Họ và tên chủ hộ, người đại diện	Số khẩu được hỗ trợ theo tỷ lệ thu hồi đất			Tổng diện tích được giao (theo NĐ 64/CP) (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	DT thu hồi trong chỉ giới		DT đất 64 thu hồi ngoài chỉ giới	Diện tích thu hồi của dự án trước (m2)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Bồi thường		Các khoản hỗ trợ			Cộng
		Tỷ lệ thu hồi <30%	Tỷ lệ thu hồi từ 30- 70%	Tỷ lệ thu hồi > 70%			Đất 64	Đất tự sử dụng				Tiền đất	Hoa màu	Chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Ôn định sản xuất, kinh doanh	Ôn định đời sống	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
14	Nguyễn Văn Hoán		6		2.872	320	320,0	0,0	0,0	2.136	43%	32.000.000	3.200.000	160.000.000	9.600.000	19.440.000	224.240.000
15	Nguyễn Văn Hưng (Hương)			3	1.920	1.169	1.169,0	0,0	0,0	498	82%	116.900.000	11.690.000	584.500.000	35.070.000	19.440.000	767.600.000
16	Nguyễn Văn Sói (Chuân)		4		1.920	344	344,0	0,0	0,0	1.021	38%	34.400.000	3.440.000	172.000.000	10.320.000	12.960.000	233.120.000
17	Nguyễn Văn Thắng (Thảo)		5		2.400	1.359	1.359,0	0,0	0,0	0	57%	135.900.000	13.590.000	679.500.000	40.770.000	16.200.000	885.960.000
18	Nguyễn Văn Tiêm		5		2.400	773	773,0	0,0	0,0	468	40%	77.300.000	7.730.000	386.500.000	23.190.000	16.200.000	510.920.000
19	Trần Văn Điền		4		1.920	684,3	684,3	0,0		0	36%	68.430.000	6.843.000	342.150.000	20.529.000	12.960.000	450.912.000
20	Bùi Đăng Hưng (con trai) Vũ Thị Ngọc Vy		4		1.920	1.336	1.243,5	0,0	92,5	0	70%	133.600.000	13.360.000	668.000.000	40.080.000	12.960.000	868.000.000
21	Nguyễn Ba Phong		5		2.904	960,0	960,0	1,8	0,0	0	33,1%	96.000.000	9.600.000	480.000.000	28.800.000	16.200.000	630.600.000
22	Nguyễn Thị Quy (Qui)			4	1.656	1.392	1.379,3	0,8	12,7	0	84,1%	139.200.000	13.920.000	696.000.000	41.760.000	25.920.000	916.800.000
23	Nguyễn Văn Vinh (Mẹ Vũ Thị Hải - chết)	3			1.632	360	251,7	0,0	108,3		22,1%	36.000.000	3.600.000	180.000.000	10.800.000	4.860.000	235.260.000
24	Lương Văn (Hồng) Cánh		5		2.400	1.340	999,4	0,7	340,6	0	56%	134.000.000	13.400.000	670.000.000	40.200.000	16.200.000	873.800.000
25	Nguyễn Thị Mùa (Huệ)			4	1.920	788	729,5	146,9	58,5	1.102	96%	78.800.000	7.880.000	394.000.000	23.640.000	25.920.000	530.240.000
26	Hà Thị Đình (vợ) (Bùi Văn Xứng)		4		2.385	724	724,0	1,2	0,0	0	30%	72.400.000	7.240.000	362.000.000	21.720.000	12.960.000	476.320.000
27	Nguyễn Thị Hén (vợ) (Lê Văn Vời)			4	2.400	1.728	1.577,7	1,9	150,3	0	72%	172.800.000	17.280.000	864.000.000	51.840.000	25.920.000	1.131.840.000
Tổng					54.649,0	22.764,2	21.754,0	481,0	1.010,2			2.276.420.000	227.642.000	11.382.100.000	682.926.000	385.560.000	14.954.648.000